

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2144/2022/HNGĐ-ST

Ngày : 15/6/2022

V/v: Tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Anh Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Phước

2. Bà Nguyễn Thị Chi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1820/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021, về việc: “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2542/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3311/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Ngọc B, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Số A đường B, Tổ C, Khu phố D, phường E, thành phố F, Thành phố G.

Bị đơn: Ông Võ Thanh S, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Số A đường B, Tổ C, Khu phố D, phường E, thành phố F, Thành phố G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2021, bản tự khai, biên hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Bà Vũ Thị Ngọc B trình bày:*

Bà và ông S kết hôn có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn thì 3 năm gần đây cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn không có tiếng nói chung trong việc nuôi con, làm ăn và sinh hoạt vợ chồng, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích

hôn nhân không đạt được. Bà đã ly thân với ông S được hơn 2 năm nay và hoàn toàn không còn tình cảm với ông S nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Quá trình chung sống, bà và ông S có 02 con chung tên Võ Vũ Bích T, sinh ngày 15/01/2005 và Võ Vũ Minh T, sinh ngày 08/01/2010. Từ trước đến nay một mình bà vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng các con nên bà B yêu cầu được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.  
Nợ chung: Không có

Bị đơn ông Võ Thanh S mặc dù đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng nên Tòa án không thu thập được ý kiến trình bày của ông S.

***Đại diện Viện kiểm sát thành phố Thủ Đức trình bày quan điểm về giải quyết vụ án:***

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tuy nhiên cần rút kinh nghiệm trong việc tuân theo pháp luật về thời hạn chuẩn bị xét xử theo qui định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Vũ Thị Ngọc B được ly hôn với ông Võ Thanh S.

Về con chung: Giao con chung cho bà B nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà B xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Bà B xác định không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Bà Vũ Thị Ngọc B yêu cầu ly hôn với ông Võ Thanh S nên căn cứ quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp ly hôn”.

Bị đơn ông Võ Thanh S có nơi cư trú tại địa chỉ: Số 310 đường Nguyễn Thị Định, Tổ 2, Khu phố 1, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn là ông S đến Tòa án tham gia phiên tòa vào ngày 24/5/2022 và ngày 15/6/2022, nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông S.

Xét đơn xin vắng mặt tại phiên tòa của bà B là đúng theo quy định của pháp luật và việc bà B vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà B.

[3] *Về nội dung*:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà B, ông S tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, ngày 04/6/2004. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của bà B, ông S được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét lời khai, lời trình bày của bà B trong quá trình giải quyết vụ án thì trong quá trình chung sống giữa bà B và ông S phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do cả hai luôn bất đồng quan điểm sống, sự khác biệt về sở thích, dẫn đến thường xuyên cãi vã, làm cho tình cảm vợ chồng càng thêm rạn nứt. Bà B xác định tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài, giữa 2 bên hiện tại chỉ còn ràng buộc bởi Giấy chứng nhận kết hôn, thực tế đã ly thân được hơn 2 năm nay. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng dựa trên tình yêu thương và trách nhiệm của vợ chồng với nhau, với gia đình và con cái. Tuy nhiên, giữa bà B và ông S hiện tại là không còn nghĩa vụ, trách nhiệm vợ chồng với nhau.

Theo kết quả trả lời của Ủy ban nhân dân phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức tại Phiếu yêu cầu xác minh số 1820a/PYCXM ngày 21/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức thì: *“Trong quá trình chung sống tại địa chỉ số 310 đường Nguyễn Thị Định, Tổ 2, Khu phố 1, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh ông S và bà B vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, theo như lời kể của bà B thì xảy ra đã gần 10 năm nay, xong vì để nuôi hai con nên bà B vẫn cố gắng chịu đựng. Nguyên nhân chính là từ khi biết ông S mắc nợ dẫn đến xã hội đen đến đòi nợ, bà B đã phải cố gắng làm để trả. Mặc dù thiếu tiền ông S còn mượn thêm (để mua xe ô tô 04 chỗ để chạy), lãi mẹ đẻ lãi con nay bà không còn khả năng trả nữa. Đỉnh điểm là khi bà B đi sửa mũi về ông S đã đánh vào mặt đến hư làm bà phải đi sửa lại với số tiền không nhỏ. Những nghi ngờ vợ chồng có đi lại ngoài luồng càng dẫn đến mâu thuẫn càng lớn, không thể giải quyết được. Những cãi vã lớn chỉ phát sinh sau này, sáng sớm ông S lái xe đi đến tối mới về mặc cho bà B ở nhà buôn bán một mình cộng thêm mẹ già phải nuôi, nhà là ở trọ, hàng tháng phải đóng tiền. Theo như bà B khẳng định hàn gắn trở lại là không thể”*.

Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Võ Thanh S mặc dù đã được Tòa án, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng

ông S vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy ông S đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông và bà B. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông S và bà B là trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu của bà B xin ly hôn với ông S là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

[3.2] *Về con chung*: Bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Võ Vũ Bích T, sinh ngày 15/01/2005 và Võ Vũ Minh T, sinh ngày 08/01/2010. Nhận thấy, từ trước đến nay một mình bà B vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng các con nên bà B yêu cầu được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con là có cơ sở chấp nhận.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] *Về tài sản chung*: Bà B xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. *Nợ chung*: Không có

[4] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà B phải chịu án phí sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 56; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – Bà Võ Thị Ngọc B:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc B được ly hôn với ông Võ Thanh S. Quan hệ hôn nhân giữa bà B, ông S theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 do Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/6/2004 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Võ Vũ Bích T, sinh ngày 15/01/2005 và Võ Vũ Minh T, sinh ngày 08/01/2010 cho bà B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà B xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

2. Về án phí sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) bà B phải chịu nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0025099 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức lập ngày 25/12/2021. Bà B đã nộp đủ án phí.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

### 3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- THADS TP.Thủ Đức;
- UBND xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phạm Anh Ngọc**

**HOÀI THẨM NHAÂN DAÂN  
PHIÊÂN TỎA**

**THẨM PHAÜN – CHUÛ TỎA**

**Phạm Anh Ngọc**

***Nơi nhận:***

- VKSND TP.Thủ Đức;
- THA TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- UBND phường Bình Trưng Tây, TP.Thủ Đức;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Anh Ngọc**

**HOÀI THẨM NHÂN DÂN  
PHIÊN TÒA**

**THẨM PHÀN – CHỦ TỌA**

**Phạm Anh Ngọc**